

# 第 64\_1 项训练：古诗与国学填数

(038)

ruò liáng hào    bā shí èr    duì dà tíng    kuí duō shì  
若梁灏    八十二    对大廷    魁多士

bǐ jì chéng    zhòng chēng yì    ěr xiǎo shēng    yí lì zhì    yíng bā suì  
彼既成    众称异    尔小生    宜立志    莹八岁

néng yǒng shī    mì qī suì    néng fù qí    bǐ yǐng wù    rén chēng qí  
能咏诗    泌七岁    能赋棋    彼颖悟    人称奇

生○ 奇○ 魁○ 咏○  
对○ 二○ 廷○ 七○  
众○ 十○ 诗○ 异○ 彼○ 志○ 泌○ 岁○  
梁○ 人○ 八○ 能○ 能○ 宜○ 士○ 称○  
彼○ 成○ 若○ 既○ 悟○ 小○  
莹○ 岁○ 立○ 棋○  
称○ 八○ 大○ 赋○ 多○ 颖○ 尔○

使用日期:

计时:

分

秒

错误:

评语:

# 第 64\_2 项训练：找不同



使用日期:

计时:

分

秒

错误:

评语:

# 第 64\_3 项训练：手脑协调

训练提示：请根据教案中的操作方法操作，并如实记录用时和错误数量。

5						10					5					10						
1	3	9	6	3	6	2	3	3	9	9	1											
2	9	3	9	6	9	3	2	6	2	3	2											
3	3	9	9	6	2	2	2	3	3	2	3											
4	3	2	2	6	6	6	9	3	9	2	4											
5	3	3	9	6	6	2	6	2	9	9	5											
6	9	9	2	3	9	3	3	6	2	2	6											
7	6	6	2	3	9	9	6	6	9	2	7											
8	6	2	2	6	9	6	6	3	3	2	8											

使用日期：

计时：

分

秒

错误：

评语：

